

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 04 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139,895,554,905	57,111,373,737
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		999,515,820	709,321,459
1. Tiền	111	VI.1	999,515,820	709,321,459
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111,539,657,788	24,587,763,160
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	87,881,862,748	3,457,773,164
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	5,345,335,422	4,782,009,441
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	18,312,459,618	16,347,980,555
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		7,526,014,039	13,021,835,971
1. Hàng tồn kho	141	VI.5	7,526,014,039	13,021,835,971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19,830,367,258	18,792,453,147
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	14,448,308,396	15,989,647,467
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,906,862,373	2,214,560,849
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	3,475,196,489	588,244,831
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,127,718,079,581	1,135,313,615,463
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		964,965,434,357	966,642,600,486
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	849,811,880,835	850,638,901,349
<i>Nguyên giá</i>	222		891,662,779,000	887,026,535,072
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(41,850,898,165)	(36,387,633,723)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.9	60,025,602,147	62,089,432,641
<i>Nguyên giá</i>	225		85,165,720,436	85,165,720,436

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 04 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(25,140,118,289)	(23,076,287,795)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	55,127,951,375	53,914,266,496
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		162,752,645,224	168,671,014,977
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.11	156,372,855,619	162,291,225,372
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.12	6,379,789,605	6,379,789,605
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,267,613,634,486	1,192,424,989,200

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 04 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		949,713,241,604	902,387,739,784
I. Nợ ngắn hạn	310		321,597,295,893	277,971,787,368
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.13	115,016,192,513	154,961,724,288
2. Phải trả người bán	312	VI.14	16,835,412,270	27,539,369,429
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.15	617,369,140	787,821,447
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	16,502,400,189	9,927,767,041
5. Phải trả người lao động	315		3,027,310,712	258,636,738
6. Chi phí phải trả	316	VI.17	37,677,822,041	46,558,731,217
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.18	131,920,789,028	37,937,737,208
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		628,115,945,711	624,415,952,416
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		11,668,568,075	40,027,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	615,518,220,936	623,507,985,416
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		816,670,200	867,940,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		112,486,500	-
9. Quỹ phát triển khoa học và Công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		317,900,392,882	290,037,249,416
I. Vốn chủ sở hữu	410		317,900,392,882	290,037,249,416
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	290,020,000,000	290,020,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	27,880,392,882	17,249,416
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,267,613,634,486	1,192,424,989,200

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 04 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		-	-

Tỉnh Phú Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2010

VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG

Tổng Giám đốc

HUỲNH SỸ CHIẾN

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 04 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Lũy kế
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		101,968,303,947	166,891,713,147
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		177,851,750	438,331,404
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	101,790,452,197	166,453,381,743
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	56,034,493,222	97,383,522,065
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45,755,958,975	69,069,859,678
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	783,020,148	8,954,025,674
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	17,689,999,759	37,284,017,088
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>17,689,999,759</i>	<i>37,284,017,088</i>
8 Chi phí bán hàng	24	VII.5	12,189,688,976	20,325,754,097
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	11,374,190,681	14,947,316,273
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,285,099,707	5,466,797,894
11 Thu nhập khác	31		35,652,948,331	37,267,805,068
12 Chi phí khác	32		3,786,774,413	5,272,394,003
13 Lợi nhuận khác	40		31,866,173,918	31,995,411,065
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37,151,273,625	37,462,208,959
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9,288,130,159	9,365,552,240
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27,863,143,466</u>	<u>28,096,656,719</u>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>960</u>	<u>968</u>

Tỉnh Phú Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2010

VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG
Tổng Giám đốc

HUỲNH SỸ CHIẾN
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 04 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

06 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến quý này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		37,462,208,959
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02		15,198,683,830
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15,225,287)
- Chi phí lãi vay	06		37,284,017,088
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		89,929,684,590
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(111,850,278,024)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5,118,545,985
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		95,068,133,907
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10,497,264,685
- Tiền lãi vay đã trả	13		(32,874,141,934)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(131,321,980)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		64,013,019,841
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và			(11,884,453,841)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15,225,287
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		(11,869,228,554)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		96,333,972,042
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(143,402,887,529)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4,075,359,980)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(51,144,275,467)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		999,515,820
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		999,515,820

Tỉnh Phú Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2010

VÕ THANH HOÀNG CHUƠNG

Tổng Giám đốc

HUYỀN SỸ CHIẾN

Kế toán trưởng